

Câu 1: Giải pháp nào sau đây có tác động chủ yếu đến việc phát triển khai thác dầu khí ở nước ta?

- A. Nâng cao trình độ của nguồn lao động.
- B. Tăng cường liên doanh với nước ngoài.
- C. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu dầu thô.
- D. Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình đẳng của nông nghiệp nước ta là

- A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.
- B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
- C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. đất trồng có nhiều loại và sinh vật rất phong phú.

Câu 3: Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. nhiều bãi triều, ô trũng ngập nước.
- B. nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.
- C. nhiều đầm phá và các cửa sông rộng lớn.
- D. diện tích mặt nước lớn ở các đồng ruộng.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều ở các vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 5: Nhân tố nào sau đây có ý nghĩa hàng đầu thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua?

- A. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.
- B. Nhiều giống gia súc, gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.
- C. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.
- D. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được đảm bảo tốt hơn.

Câu 6: Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển ở nước ta là

- A. có nhiều cảng nước sâu và cụm cảng quan trọng.
- B. khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.
- C. đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.
- D. các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

Câu 7: Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là

- A. Vịnh Hạ Long và vườn quốc gia Cúc Phương.
- B. Vịnh Hạ Long và quần thể Phong Nha - Kẻ Bàng.
- C. Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.
- D. Phố cổ Hội An và bãi đá cổ Sa Pa.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000 MW?

- A. Na Dương.
- B. Uông Bí.
- C. Ninh Bình.
- D. Phả Lại.

Câu 9: Sản xuất nông nghiệp nước ta có sự phân hóa mùa vụ là do tác động của yếu tố tự nhiên nào sau đây?

- A. Khí hậu.
- B. Đất đai.
- C. Nguồn nước.
- D. Địa hình.

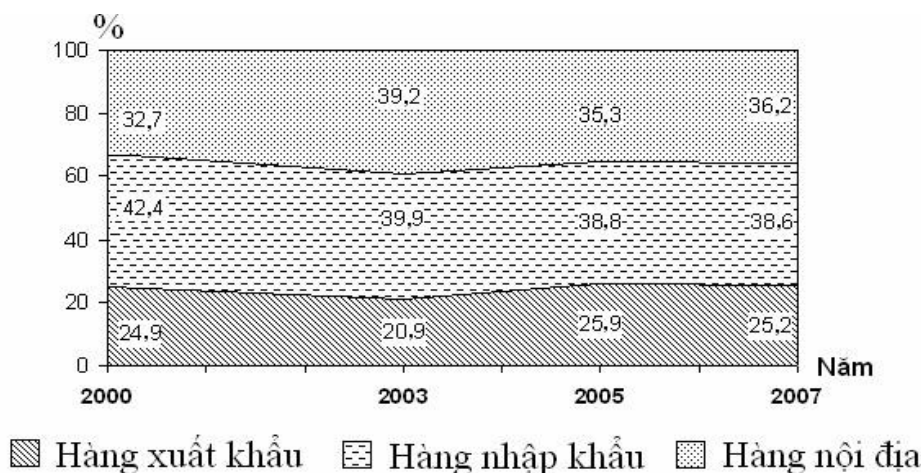
Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Trị?

- A. Hồng Lĩnh. B. Đồng Hới. C. Cửa Lò. D. Đông Hà.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Nhà nước quản lí các ngành then chốt. B. Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm.
C. Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước. D. Còn chưa theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 12: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hoá ở nước ta.
B. Tốc độ tăng trưởng khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hoá của nước ta.
C. Khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hoá của nước ta.
D. Quy mô khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hoá ở nước ta.

Câu 13: Hạn chế lớn nhất đối với các mặt hàng xuất khẩu ở nước ta là

- A. chất lượng sản phẩm chưa cao. B. số lượng sản phẩm chưa nhiều.
C. tỉ trọng hàng gia công lớn. D. lợi nhuận ít do giá rẻ.

Câu 14: Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. đa dạng hóa nông nghiệp. B. đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.
C. tăng diện tích lúa mùa. D. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm cao nhất?

- A. Đắk Nông. B. Lâm Đồng. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 16: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

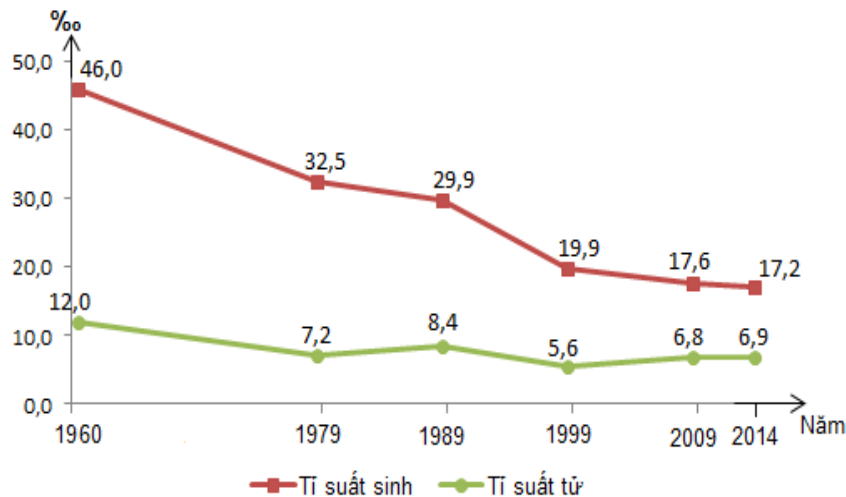
- A. Nguồn nguyên, nhiên liệu nhiều loại và phong phú.
B. Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao.
C. Nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất.
D. Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp ngày càng sâu.

Câu 17: Một trong những đặc điểm của khu công nghiệp tập trung là

- A. ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.
B. có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.
C. thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.
D. thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn.

Câu 18: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ TỈ SUẤT SINH, TỈ SUẤT TỬ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1960 - 2014



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ suất sinh, tỉ suất tử của nước ta, giai đoạn 1960 - 2014?

- A. Tỉ suất sinh giảm chậm hơn tỉ suất tử. B. Tỉ suất sinh giảm liên tục qua các năm.
C. Tỉ suất tử giảm chậm hơn tỉ suất sinh. D. Tỉ suất tử của nước ta không ổn định.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau **không** phải là cảng sông?

- A. Sơn Tây. B. Việt Trì. C. Cái Lân. D. Nam Định.

Câu 20: Ngành nào sau đây **không** được coi là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

- A. Năng lượng. B. Dệt - may.
C. Chế biến lương thực, thực phẩm. D. Luyện kim.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 22: Việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước mang ý nghĩa nào sau đây?

- A. Nhằm thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình.
B. Thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá ở nước ta.
C. Đảm bảo cho dân cư giữa các vùng lãnh thổ phân bố đều hơn.
D. Nhằm sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên.

Câu 23: Mục đích nào sau đây là quan trọng nhất của nền nông nghiệp hàng hóa nước ta?

- A. Tạo ra nhiều lợi nhuận. B. Đáp ứng nhu cầu tại chỗ.
C. Sản xuất ra nhiều loại sản phẩm. D. Nâng cao chất lượng nguồn lao động.

Câu 24: Phát biểu nào sau đây đúng về cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn ở nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ dân thành thị tăng nhưng còn thấp.
B. Tỉ lệ dân nông thôn và thành thị ít chênh lệch.
C. Tỉ lệ dân nông thôn tăng nhanh.
D. Tỉ lệ dân thành thị lớn hơn nông thôn.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- A. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa. B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
C. Đà Nẵng, Nha Trang. D. Hà Nội, Hải Phòng.

Câu 26: Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO THÀNH PHẦN
KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017**

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2010	2014	2016	2017
Kinh tế Nhà nước	157359,1	150189,1	152207,2	155746,9
Kinh tế ngoài Nhà nước	57667,7	70484,2	86581,3	98756,3
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước	2740,3	2477,8	2588,4	2674,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 27: Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng

- A. tỉ trọng nhóm ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước thay đổi mạnh nhất.
B. tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai thác và chế biến tăng.
C. giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai thác.
D. giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến.

Câu 28: Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta hiện nay là

- A. khí tự nhiên. B. than bùn. C. dầu mỏ. D. than đá.

Câu 29: Vùng dẫn đầu cả nước về tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 30: Theo cách phân loại hiện hành, nước ta có

- A. 4 nhóm với 23 ngành công nghiệp. B. 2 nhóm với 19 ngành công nghiệp.
C. 3 nhóm với 29 ngành công nghiệp. D. 5 nhóm với 32 ngành công nghiệp.

Câu 31: Biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản?

- A. Hiện đại hoá các phương tiện và tăng cường đánh bắt xa bờ.
B. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
C. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
D. Tăng cường đánh bắt và phát triển nuôi trồng.

Câu 32: Ngành công nghiệp được coi là ngành thuộc cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải đi trước một bước là

- A. Luyện kim. B. Điện lực.
C. Khai thác dầu khí. D. Khai thác than.

Câu 33: Khó khăn lớn nhất đối với phát triển cây công nghiệp ở nước ta là

- A. thị trường thế giới có nhiều biến động.
B. đất đai bị xâm thực, xói mòn, bạc màu.
C. biến đổi khí hậu có tác động xấu đến cây công nghiệp.
D. thiếu lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật.

Câu 34: Chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta chủ yếu do có

- A. sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.
B. cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.
C. tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.
D. thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

Câu 35: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.

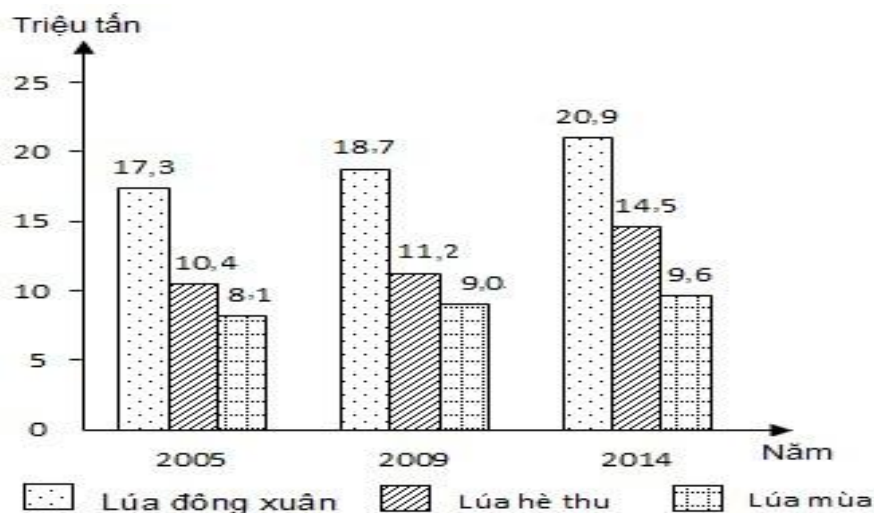
- B. Công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.
- C. Lượng lao động có trình độ cao còn ít.
- D. Trình độ lao động đang được nâng cao.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết cao su được trồng nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 37: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Lúa hè thu tăng liên tục.
- B. Sản lượng lúa các vụ không đồng đều.
- C. Lúa đông xuân tăng liên tục.
- D. Lúa mùa luôn có sản lượng cao nhất.

Câu 38: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động ở khu vực công nghiệp - xây dựng.
- B. tăng tỉ trọng lao động ở khu vực ngoài Nhà nước.
- C. tăng tỉ trọng lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. giảm tỉ trọng lao động ở khu vực nông - lâm - ngư nghiệp.

Câu 39: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Khai thác	1 987,9	2 280,5	2 414,4	2 920,4
Nuôi trồng	1 478,9	2 589,8	2 728,3	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- B. Nuôi trồng tăng, khai thác giảm.
- C. Khai thác tăng, nuôi trồng giảm.
- D. Nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết sân bay nào sau đây là sân bay quốc tế?

- A. Nà Sản.
- B. Cát Bi.
- C. Vinh.
- D. Phù Cát.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Câu	Mã đề	Đáp án	Mã đề	Đáp án	Mã đề	Đáp án	Mã đề	Đáp án	Mã đề	Đáp án	Mã đề	Đáp án
1	132	B	209	A	357	B	485	C	570	C	628	C
2	132	C	209	D	357	A	485	C	570	A	628	B
3	132	B	209	B	357	D	485	D	570	B	628	B
4	132	C	209	B	357	C	485	D	570	D	628	C
5	132	C	209	B	357	D	485	D	570	D	628	C
6	132	C	209	B	357	D	485	D	570	B	628	D
7	132	B	209	C	357	C	485	C	570	A	628	C
8	132	D	209	A	357	B	485	B	570	C	628	D
9	132	A	209	B	357	D	485	D	570	C	628	D
10	132	D	209	D	357	B	485	C	570	D	628	B
11	132	B	209	C	357	A	485	B	570	A	628	D
12	132	A	209	A	357	C	485	B	570	B	628	A
13	132	C	209	B	357	B	485	B	570	B	628	A
14	132	B	209	C	357	D	485	C	570	A	628	C
15	132	B	209	C	357	B	485	A	570	C	628	A
16	132	A	209	C	357	A	485	D	570	D	628	B
17	132	B	209	D	357	D	485	D	570	B	628	D
18	132	A	209	C	357	A	485	A	570	D	628	A
19	132	C	209	B	357	C	485	A	570	B	628	C
20	132	D	209	D	357	A	485	A	570	A	628	A
21	132	A	209	C	357	B	485	C	570	A	628	C
22	132	D	209	D	357	B	485	A	570	C	628	B
23	132	A	209	A	357	A	485	C	570	A	628	A
24	132	A	209	B	357	B	485	D	570	B	628	C
25	132	B	209	A	357	D	485	B	570	C	628	A
26	132	C	209	C	357	B	485	C	570	A	628	A
27	132	C	209	A	357	C	485	A	570	C	628	B
28	132	D	209	C	357	D	485	A	570	B	628	A
29	132	C	209	B	357	A	485	C	570	C	628	D
30	132	C	209	A	357	D	485	A	570	D	628	B
31	132	A	209	D	357	C	485	B	570	D	628	B
32	132	B	209	A	357	C	485	A	570	C	628	D
33	132	A	209	B	357	B	485	B	570	D	628	C
34	132	D	209	D	357	D	485	B	570	B	628	B
35	132	A	209	D	357	A	485	C	570	B	628	C
36	132	D	209	D	357	C	485	B	570	A	628	A
37	132	D	209	A	357	C	485	A	570	D	628	B
38	132	D	209	C	357	C	485	D	570	A	628	D
39	132	D	209	A	357	A	485	B	570	D	628	D
40	132	B	209	D	357	A	485	D	570	C	628	D